

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊNH PHỐ BUỒN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15/02/2023

“V/v Không công nhận là vợ chồng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊNH PHỐ BUỒN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Với tHnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

- *Thẩm phán* – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩ.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Hưng

2. Ông Nguyễn Tiến Dũng

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Tuấn – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Buồn Ma Thuột*: Ông Phạm Việt Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tHnh phố Buồn Ma Thuột, tỉnh Đắc Lắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1050/2022/TLST-HNGĐ ngày 29/11/2022 về việc “Yêu cầu Không công nhận là vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXX-ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 và Quyết định đình hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-DS ngày 16/01/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C – sinh năm: 1963 (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Phạm Hồng V – sinh năm: 1960 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 76/01 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, tại các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày

Tôi và ông Phạm Hồng V tự nguyện sống chung có tổ chức lễ cưới vào năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải, nguyên nhân mâu thuẫn là 02 vợ chồng sống không hòa hợp thường xuyên cãi vã dẫn

đến nhiều mẫu thuẫn xung đột không thể Hn gấn. Ông V thường xuyên tiếp xúc với dân xã hội đen tôi đã khuyên giải nhưng ông V không nghe. Ông V có đi vay tiền dân xã hội đen, dẫn đến việc xã hội đen đến nH tôi hăm dọa tôi để đòi tiền nên ông V đã bỏ ra ngoài sinh sống thì thoảng về nH thăm con, cháu xong lại đi ngay vì sợ dân xã hội đen đòi tiền. Vợ chồng nhiều năm không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng là không còn tôi yêu cầu Tòa không công nhận là vợ chồng với ông Phạm Hồng V.

-Về con chung: Tôi và ông Phạm Hồng V có 02 con chung là: Cháu Phạm Nguyễn Thị Ngọc A; sinh ngày: 28/9/1991 và cháu Phạm Thị Ngọc H; sinh ngày: 07/8/1993. Các con chung đã đủ tuổi tHng niên nên không đề cập xem xét giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và ông Phạm Hồng V không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/. Đối với bị đơn ông Phạm Hồng V: Tòa án đã tiến Hnh thông báo triệu tập hợp lệ nhưng ông Phạm Hồng V không nên Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị C vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng với ông Phạm Hồng V.

-Đại diện viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Buôn Ma Thuột phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp Hnh đúng theo quy định của pháp luật còn bị đơn chưa chấp Hnh đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Yêu cầu khởi kiện không công nhận là vợ chồng của bà Nguyễn Thị C và tuyên bố Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị C và ông Phạm Hồng V là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị C và bị đơn ông Phạm Hồng V là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền Tòa án giải quyết.

* Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Thị C và bị đơn ông Phạm Hồng V chung sống với nhau từ năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nên xác định đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị C đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng với ông Phạm Hồng V là phù hợp với quy định của pháp luật vì Nguyễn Thị C và ông Phạm Hồng V sống chung

có nhiều mâu thuẫn không thể Hn gắn, cuộc sống chung giữa bà C và ông V không còn nữa nên không thể tiếp tục duy trì. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b, khoản 3, Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Hội đồng xét xử xét thấy C tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Nguyễn Thị C và ông Phạm Hồng V.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị C và ông Phạm Hồng V có 02 con chung là: Cháu Phạm Nguyễn Thị Ngọc A; sinh ngày: 28/9/1991 và cháu Phạm Thị Ngọc H; sinh ngày: 07/8/1993. Hiện các cháu đã đủ tuổi tHnh niên nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị C xác định giữa bà C và ông V không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 8, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 203, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị C và ông Phạm Hồng V là vợ chồng.

- Về con chung: Cháu Phạm Nguyễn Thị Ngọc A; sinh ngày: 28/9/1991 và cháu Phạm Thị Ngọc H; sinh ngày: 07/8/1993 đã đủ tuổi thành niên nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị C xác định giữa bà C và ông V không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp tại Chi cục thi Hnh án dân sự tHnh phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 22728 ngày 24 tháng 11 năm 2022.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thột;
- CCTHADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- UBND P. Tân An
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Phạm Văn Vĩ